

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 06/2022/KDTM-GĐT

Ngày 25 tháng 02 năm 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang;
Các thành viên: Ông Hồ Đình Trung;
Ông Vũ Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C; địa chỉ: Số 108 đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp là ông Vũ Văn T (Văn bản ủy quyền số 133/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/02/2020).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần X; địa chỉ: Km0 +700, đường K, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp là ông Hoàng Cảnh H - Tổng Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần C do người đại diện trình bày:

Ngày 22/6/2016, Ngân hàng TMCP C (viết tắt là Ngân hàng C) và Công ty cổ phần X (viết tắt là Công ty X) đã ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442-CT24. Ngày 10/11/2016, hai bên đã ký Văn bản sửa đổi, bổ

sung hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442-CT24. Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động và hoạt động sản xuất kinh doanh thi công công trình. Theo các hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng C đã giải ngân tổng số tiền vay là 16.372.000.000 đồng. Công ty X đã nhận đủ số tiền trên theo các giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:

1. Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty X chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: TL 0108/HĐTC ngày 10/09/2008 giữa Ngân hàng C và Công ty X.

2. Một máy phát điện Onnis - visa P180M, công suất 180/198 KVA, điện áp 220/380V theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0211/HĐTC ngày 12/06/2011 giữa Ngân hàng C và Công ty X.

3. Một xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson, màu xám, biển kiểm soát 37S-5427 thuộc sở hữu của Công ty X theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 0311/HĐTC ngày 12 /06/2011 giữa Ngân hàng C và Công ty X.

4. Các quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền được phân chia và sử dụng, khai thác và/hoặc sở hữu sản phẩm được phân chia; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn...) theo Hợp đồng thế chấp số: 0113/HĐTC ngày 11/03/2013 giữa Ngân hàng C và Công ty X, trong đó có:

+ Quyền đòi nợ theo Hợp đồng kinh tế số 38/HĐ-TĐSB2 ngày 20/01/2011 ký giữa Ban quản lý dự án thủy điện Sông B2 và Công ty X về việc thi công gói thầu 36: Thi công đường ống áp lực, nhà máy, kênh xả - Dự án thủy điện Sông B2.

+ Quyền đòi nợ theo Hợp đồng kinh tế số 44/HĐ-TĐSB-P2 ngày 18/12/2008 ký giữa Ban quản lý dự án thủy điện Sông B4 và Công ty X về việc thi công gói thầu số 02 (GT2-02): Thi công đoạn đường từ Km8 đến Km 12 Hạng mục Đường vào khu tái định cư ParuMB, Công trình thủy điện Sông B4, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

5. Các quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền được phân chia và sử dụng, khai thác và/hoặc sở hữu sản phẩm được phân chia; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn;...) phát sinh từ tất cả các Hợp đồng kinh tế/Hợp đồng thi công xây dựng công trình và các văn bản bổ sung sửa đổi hợp đồng (nếu có) chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số: 0115 ngày 28/09/2015 ký giữa Ngân hàng C và Công ty X.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty X đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng C đã chuyển thành khoản nợ quá hạn. Ngân hàng C khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty X trả nợ tổng số tiền gốc, lãi đã phát sinh chưa trả tạm tính đến ngày 05/02/2021 là 14.168.675.669 đồng. Trường hợp Công ty X không trả được nợ đề nghị xử lý tài sản bảo đảm.

Bị đơn là Công ty X do người đại diện trình bày: Công ty X chấp nhận thanh toán theo hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ giữa hai bên đã ký kết. Trường hợp không trả nợ hoặc không trả đủ khoản nợ nói trên thì Công ty X đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng C.

Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2021/QĐST-KDTM ngày 17/02/2021, Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An quyết định:

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn là Ngân hàng C với bị đơn là Công ty X.

- Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nội dung: Ngân hàng C và Công ty X thống nhất thỏa thuận: Công ty X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442-CT24 ngày 22/6/2016 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442-CT24 ngày 10/11/2016 tính đến ngày 05/02/2021 là 14.168.675.669 đồng. Trong đó, nợ gốc là 5.480.309.496 đồng; nợ lãi quá hạn là 2.447.242.389 đồng; nợ lãi phạt là 1.095.796.526 đồng; nợ phí bảo lãnh là 5.145.327.258 đồng.

Kể từ ngày 06/02/2021 cho đến khi Công ty X thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442-CT24 ngày 10/11/2016. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Trường hợp Công ty X không trả nợ hoặc trả không đủ số nợ trên cho Ngân hàng C thì Ngân hàng C có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng C bao gồm:

1. Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty X chi tiết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: TL 0108/HĐTC ngày 10/09/2008 giữa Ngân hàng C và Công ty X.

2. Một máy phát điện Onnis - visa P180M, công suất 180/198 KVA, điện áp 220/380V theo Hợp đồng thế tài sản số: 0211/HĐTC ngày 12/06/2011 giữa Ngân hàng C và Công ty X.

3. Một xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Tucson, màu xám, biển kiểm soát 37S-5427 thuộc sở hữu của Công ty X theo Hợp đồng thế tài sản số: 0311/HĐTC ngày 12/06/2011 giữa Ngân hàng C và Công ty X.

4. Các quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền được phân chia và sử dụng, khai thác và/hoặc sở hữu sản phẩm được phân chia; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn...) theo Hợp đồng thế chấp số: 0113/HĐTC ngày 11/03/2013 giữa Ngân hàng C và Công ty X, trong đó có:

+ Quyền đòi nợ theo Hợp đồng kinh tế số 38/HĐ-TĐSB2 ngày 20/01/2011 ký giữa Ban quản lý dự án thủy điện Sông B2 và Công ty X về việc thi công gói thầu 36: Thi công đường ống áp lực, nhà máy, kênh xả - Dự án thủy điện Sông B2.

+ Quyền đòi nợ theo Hợp đồng kinh tế số 44/HĐ-TĐSB-P2 ngày 18/12/2008 ký giữa Ban quản lý dự án thủy điện Sông B4 và Công ty X về việc thi công gói thầu số 02 (GT2-02): Thi công đoạn đường từ Km8 đến Km 12 Hạng mục Đường vào khu tái định cư ParuMB, Công trình thủy điện Sông B4, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

5. Các quyền tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn: quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ; quyền được phân chia và sử dụng, khai thác và/hoặc sở hữu sản phẩm được phân chia; quyền yêu cầu hoàn trả tiền ứng trước, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và thụ hưởng số tiền này; các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn,...) phát sinh từ tất cả các Hợp đồng kinh tế/Hợp đồng thi công xây dựng công trình và các văn bản bổ sung sửa đổi hợp đồng (nếu có) chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số: 0115 ngày 28/09/2015 ký giữa Ngân hàng C và Công ty X.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 01/7/2021, Công ty TNHH xăng dầu N có đơn đề nghị xem xét Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 21/2021/KN-DS ngày 08/12/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2021/QĐST-KDTM ngày 17/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2021/QĐST-KDTM ngày 17/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 22/6/2016, Ngân hàng C chi nhánh thành phố V (viết tắt là Ngân hàng C) và Công ty cổ phần X (viết tắt là Công ty X) ký hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442-CT24. Ngày 10/11/2016, hai bên ký Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT442-CT24. Thực hiện nội dung các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng C đã giải ngân cho Công ty X vay tổng số tiền là 16.372.000.000 đồng thông qua các giấy nhận nợ. Một trong các tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên của Công ty X tại Ngân hàng C là Quyền đòi nợ theo Hợp đồng kinh tế số 38/HĐ-TĐSB2 ngày 20/01/2011 ký giữa Ban quản lý

dự án thủy điện Sông B2 và Công ty X về việc thi công gói thầu 36: Thi công đường ống áp lực, nhà máy, kênh xả - Dự án thủy điện Sông B2, theo Hợp đồng thế chấp số 0113/HĐTC ngày 11/03/2013 giữa Ngân hàng C và Công ty X. Quá trình giải quyết vụ án, hai bên đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2021/QĐST-KDTM ngày 17/02/2021, Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Theo đó, Công ty X có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C tổng số tiền 14.168.675.669 đồng. Trường hợp Công ty X không trả được nợ thì Ngân hàng C có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm.

[2] Sau khi có quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên, Công ty TNHH xăng dầu N (viết tắt là Công ty N) có đơn đề nghị xem xét quyết định nêu trên theo trình tự giám đốc thẩm với lý do quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã không đưa Công ty N vào tham gia tố tụng là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty N.

[3] Thấy rằng, ngày 20/01/2011 Ban quản lý dự án thủy điện Sông B2 và Công ty X ký Hợp đồng kinh tế số 38/HĐ-TĐSB2 về việc thi công gói thầu 36: Thi công đường ống áp lực, nhà máy, kênh xả - Dự án thủy điện Sông B2. Trên cơ sở Hợp đồng kinh tế số 38/HĐ-TĐSB2, ngày 12/5/2011 Công ty X ký Hợp đồng xây dựng số 129/HĐXD-2011 với Công ty N về việc thi công gói thầu số 36 nêu trên. Trong hợp đồng ghi rõ các điều khoản về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên và điều khoản thanh toán, tại Điều 3 Hợp đồng xây dựng số 129/HĐXD-2011 về nghiệm thu và thanh toán quy định “Sau khi đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ bên A (Công ty X) sẽ làm thủ tục thanh toán với tổng thầu, tiền thanh toán sẽ được chuyển thẳng từ tổng thầu về tài khoản bên B (Công ty N)”. Trong khi đó, đến ngày 11/3/2013, Ngân hàng C và Công ty X mới ký Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 0113/HĐTC, tài sản thế chấp bao gồm Quyền đòi nợ theo Hợp đồng kinh tế số 38/HĐ-TĐSB2 ngày 20/01/2011 nhưng không có sự tham gia, đồng ý của Công ty N là không đảm bảo quyền lợi của Công ty N.

[4] Ngoài ra, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ban quản lý dự án thủy điện Sông B2 (chủ đầu tư) và Công ty N (nhà thầu phụ) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan đến hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ là thiếu sót.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

1. Hủy toàn bộ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2021/QĐST-KDTM ngày 17/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An về vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần C với bị đơn là Công ty cổ phần X.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Hà Nội (để b/c);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (kèm hồ sơ);
- Chi cục THADS thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu P.HCTP-VP, P.GĐKT2, HSVA, HSGĐT.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Chu Thành Quang